TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09**/2018/DS-ST
Ngày: 09-8-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Đức Bình
Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2018/TLST-DS ngày 15/03/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1971***

Trú tại: Số abc, Tổ a, ấp Tr A, xã Th B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

* ***Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1981***

Trú tại: Số abc1, ấp b, xã A V, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh R có mặt, chị Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn R trình bày:

Anh và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến tháng 9/2013 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã A V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2013. Ngày 22/12/2017, anh và chị Tr thuận tình ly hôn theo quyết định công nhận số 493/2017/QĐST-HNGĐ của TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Khi về sống chung với nhau, anh và chị Tr đều là những người đã lập gia đình và đã ly hôn. Nên hai bên có thỏa thuận rõ ràng với nhau về vấn đề tài sản. Tiền của ai làm ra thì người đó tiêu xài, sử dụng, tích lũy, không tạo lập tài sản chung.

Quá trình chung sống, anh có đưa cho chị Tr mượn 02 lần với tổng số tiền là 88.000.000đ.

Lần 1: Vào khoảng đầu năm 2014, cho chị Tr mượn số tiền 45.000.000đ. Đến tháng 6/2016, chị Tr trả 15.000.000đ và mua 01 tủ lạnh 7.000.000đ (hiện anh đang sử dụng). Như vậy, số tiền chị Tr còn nợ là 23.000.000đ.

Lần 2: Vào tháng 7/2016, cho chị Tr mượn số tiền 65.000.000đ (gửi qua tài khoản).

Khi cho mượn, hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ. Hàng tháng chị Tr có đưa một số tiền để đóng lãi suất ngân hàng cho số tiền vay 65.000.000đ là sự tự nguyện của chị Tr.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy Tr thanh toán số tiền nợ 88.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, anh R không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị Thùy Tr, trình bày:

Tại bản tường trình ngày 13/4/2018 và biên bản đối chất ngày 13/4/2018, ngày 07/6/2018 thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn R được xác lập và chấm dứt đúng như lời anh R trình bày. Chị thừa nhận, khi về sống chung với nhau giữa chị và anh R có thỏa thuận rõ ràng về tài sản và không tạo lập tài sản chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Chị thừa nhận, vào khoảng đầu năm 2014 có nhận từ anh R số tiền 45.000.000đ, đã trả 15.000.000đ, mua tủ lạnh 7.000.000đ, hiện còn 23.000.000đ. Chị không đồng ý trả số tiền này vì đã cho người khác vay và bị giật nợ; Vào khoảng tháng 7/2016, anh R tự nguyện chuyển vào tài khoản của chị số tiền 65.000.000đ. Chị đã sử dụng vào việc cho vay lãi và bị người khác giật nợ. Nay chị đồng ý trả cho anh Roan ½ khoản tiền này.

Ngày 07/6/2018, chị có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa xét xử. Chị Tr không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn R có giao số tiền 98.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Thùy Tr, không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình làm việc, chị Tr chỉ thừa nhận nợ ông R số tiền 23.000.000đ và 32.500.000đ. Áp dụng Điều 463, 465 và 466 BLDS, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh R. Buộc chị Tr phải trả cho anh R số tiền 55.500.000đ. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – chị Nguyễn Thị Thùy Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 07/6/2018 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Từ năm 2011 đến tháng 12/2017, anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Thị Thùy Tr chung sống với nhau và xác lập quan hệ hôn nhân. Trong thời kỳ hôn nhân cả hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận rõ ràng về tài sản, không tạo lập tài sản chung.

Trong thời gian chung sống này, anh R đã đưa cho chị Tr mượn tổng cộng số tiền 88.000.000đ với hai lần mượn:

Lần 1: Vào khoảng đầu năm 2014 mượn số tiền 45.000.000đ (đã trả 15.000.000đ và mua 01 tủ lạnh 7.000.000đ), hiện còn nợ 23.000.000đ.

Lần 2. Vào tháng 7/2016 mượn số tiền 65.000.000đ (gửi qua tài khoản).

Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Tr thừa nhận có nhận số tiền 45.000.000đ (đã trả 15.000.000đ, mua tủ lạnh 7.000.000đ, còn lại số tiền 23.000.000đ) và 65.000.000đ từ anh R nhưng chỉ đồng ý trả ½ số tiền 65.000.000đ (32.500.000đ) cho anh R.

[2.1] Hội động xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống giữa anh Roan và chị Tr đã thống nhất thỏa thuận độc lập về tài chính và không tạo lập tài sản chung. Điều này được các đương sự cùng thừa nhận và phù hợp với quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 493/2017/QĐST-HNGĐ của TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ngày 22/12/2017, trong đó thể hiện tài sản chung là không có. Việc chị Tr không đồng ý trả số tiền 23.000.000đ, 65.000.000đ (chỉ đồng ý trả 32.500.000đ) và cho rằng số tiền này đã dùng vào việc lo cho gia đình và cho người khác vay lấy lãi đưa về cho anh R, số tiền cho vay nay đã bị giật nợ. Sự việc này không được anh R thừa nhận. Đồng thời, chị Tr cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Việc chị Tr cho vay tiền và bên vay không thanh toán thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.2] Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Anh R có cung cấp giấy nộp tiền ngày 22/7/2016, gửi vào tài khoản của chị Tr số tiền 65.000.000đ. Tài liệu, chứng cứ này phù hợp với yêu cầu khởi kiện của anh R và sự thừa nhận của chị Tr về việc có nhận số tiền trên. Đối với số tiền 45.000.000đ, chị Tr đã trả 15.000.000đ và mua 01 tủ lạnh 7.000.000đ hiện anh R đang sử dụng nên còn nợ lại số tiền 23.000.000đ. Tuy anh R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc giao nhận số tiền này với chị Tr nhưng chị Tr thừa nhận có nhận số tiền trên từ anh R nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh R khởi kiện đối với chị Tr để yêu cầu thanh toán số tiền 88.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho anh R số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự cần giải quyết trong vụ án có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại Điều 688 về Điều khoản chuyển tiếp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5; 6, 26; 91, 92; 147; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn R đối với chị Nguyễn Thị Thùy Tr về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn R số tiền 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày anh R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Tr chưa thanh toán hết số tiền trên thì phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468

BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền thi hành án và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải nộp số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn R số tiền 2.744.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000262 ngày 15/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND t. Đồng Nai ;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thùy Dung